TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HS-ST
Ngày 25-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Đường – Phó Hiệu trưởng Trường THPT Phước Long
2. Bà Nguyễn Thị Uyên – Hiệu trưởng Trường tiểu học Long Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án hình sự số 05/TB-TA ngày 11 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lê Đình T (T què), sinh ngày 23 tháng 4 năm 2005 tại Bình Phước;
Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường P, tỉnh Đồng Nai (Trước đây là Tổ 10, khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình A, sinh năm 1978 và bà Lê Thị S, sinh năm 1975; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Cáp Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2008 tại Bình Phước;
Nơi cư trú: Tổ F, khu phố T, phường P, tỉnh Đồng Nai (Trước đây là Tổ 6, khu phố E, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn) 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cáp Xuân S1, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Công D, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai;
Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá (học vấn) 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chí C1, sinh năm 1976 và bà Đào Thị N (không rõ năm sinh); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2025,

đến ngày 27/11/2025 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lĩnh; Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Công S2, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2007 tại Đồng Nai;
Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chí C1, sinh năm 1976 và bà Đào Thị N (không rõ năm sinh); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2025, đến ngày 27/11/2025 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lĩnh; Có mặt tại phiên tòa.

5. Đỗ Huỳnh Anh K, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2004 tại Đồng Nai;
Nơi cư trú: Khu phố L, phường P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn) 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Ngọc B, sinh năm 1979 (đã chết) và bà Huỳnh Thị Tuyết N1, sinh năm 1984; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 12/11/2025 bị Trưởng Công an phường P, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 131/QĐ-XPHC; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo P1: Ông Nguyễn Ghi K1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5 tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo P1: Ông Cáp Xuân S1 – sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1972, nơi cư trú: Khu phố T, phường P, tỉnh Đồng Nai là cha, mẹ ruột của bị cáo P1. (có mặt)

Người làm công tác xã hội: Bà Đặng Ngọc Thiên N2 – Cán bộ Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Bị hại trong vụ Cố ý gây thương tích: Anh Đỗ Huỳnh Anh K – sinh năm 2004, nơi cư trú: Khu phố L, phường P, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Hoàng Xuân P – sinh năm 1980, nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Chí C1 – sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Người làm chứng: Anh Đào Ngọc Đ – sinh năm 2009, nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh Đào Ngọc Đ: Ông Đào Ngọc T1 – sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị T2 – không rõ năm sinh, nơi cư trú: xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum là cha, mẹ ruột của anh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình T, Cáp Nguyễn Xuân P1 và Đỗ Huỳnh Anh K là bạn bè quen biết nhau được một thời gian. Do K mượn điện thoại của T chưa trả và nói xấu P1 nên khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/3/2025 tại quán cà phê "Thượng Nguồn" thuộc khu phố T, phường P, tỉnh Đồng Nai, T và P1 thống nhất gọi điện thoại cho K hẹn gặp mặt để giải quyết mâu thuẫn và được K đồng ý gặp vào tối cùng ngày. Sau đó, P1 điều khiển xe mô tô biển kiểm

soát 93K1 – 300.56 đến Trung tâm thương mại P2 mua một con dao Thái Lan, T chuẩn bị một gậy ba khúc rồi cả hai đến tiệm internet "Thành Long" thuộc khu phố T, phường P để chơi game. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, K gọi điện cho T hẹn gặp mặt tại Trung tâm thương mại P2. Khi đến Trung tâm thương mại P2, T ngồi tại quán cà phê bà N3, P1 đứng núp cách quán khoảng 15m đợi K đến. Lúc gọi điện thoại cho T hẹn gặp tại Trung tâm thương mại P2, K đang đi uống cà phê cùng với Nguyễn Công D, Nguyễn Công S2, Đào Ngọc Đ tại khu vực Hồ L thuộc khu phố L, phường P nên K đã rủ D, S2 và Đ đi cùng và nói "*nếu gặp nó thì đánh luôn*" thì được cả nhóm đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sonic biển kiểm soát 93C1 – 306.54 chở S2, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter biển kiểm soát 66C1 – 382.61 chở Đ đến Trung tâm thương mại P2 thì chỉ thấy T. Lúc này, D ngồi trên xe mô tô, K, S2, Đ cùng xuống xe và đi đến chỗ T để nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, T đã dùng gậy ba khúc đánh một cái trúng vào lưng K, P1 thấy vậy thì chạy đến và lấy con dao Thái Lan giấu trong áo khoác đâm về hướng đùi K một nhát nhưng không trúng, sau đó tiếp tục đâm 01 nhát trúng vào khủy tay phải của K. Lúc này, K lao đến dùng hai tay nắm lấy hai tay P1 và đè P1 xuống đất. Trong lúc giằng co thì con dao P1 đang cầm trên tay sượt trúng vào phần dưới cằm của K một nhát. Khi K bị đâm và la lên là bọn nó có dao, thì S2 đã dùng nón bảo hiểm ném về người P1, Đ chạy tới dùng nón bảo hiểm đánh P1 hai cái vào vùng lưng và đầu, lúc này P1 dùng dao đâm vào phần bụng bên trái của K một nhát rồi bỏ chạy ra khu vực đất trống thuộc khu phố L, phường P rồi để dao lại trong bụi cỏ. K được D chở đi cấp cứu tại Trung tâm y tế P2 rồi được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B để điều trị.

Vật chứng thu giữ được trong quá trình điều tra:

01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước của Đào Ngọc Đ.

01 điện thoại di động Iphone 13 ProMax, màn hình cảm ứng, lưng điện thoại có màu ghi bạc, viền được bọc bằng kim loại màu trắng, máy đã cũ có nhiều vết trầy trước của Nguyễn Công D.

01 điện thoại di động Iphone XS, có ốp lưng màu trắng đục, viền màu đỏ, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước của Nguyễn Công S2.

01 điện thoại dị động hiệu SamSung, màu đen, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước của Lê Đình T.

01 xe mô tô Jupiter màu xám đen biển kiểm soát 66C1 – 382.61, SM: E3S1E-083468, SK: RLCUE1340HY048211 của Nguyễn Công S2.

01 xe mô tô Sonic màu trắng đen biển kiểm soát 93C1 – 306.54, SM: KB11E-1249743, SK: MH1KB1117LK250239 của Nguyễn Công D.

01 xe mô tô hiệu Honda màu đen nhám biển kiểm soát 93K1 – 300.56, SM: JC90E0314164, SK: RLHJC7655NY326652 của Lê Đình T.

01 con dao (dạng dao Thái Lan) có cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu trắng của Cáp Nguyễn Xuân P1.

01 gậy ba khúc có lớp cao su màu đen bọc bên ngoài, 02 đầu được bọc bằng kim loại, chiều dài khi gấp lại 24cm, đường kính 03cm, chiều dài khi duỗi tối đa 63cm của Lê Đình T.

Tại bản kết luận giám định số 116/KLTTCT-TTPY ngày 22/4/2025 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh B kết luận đối với thương tích của K như sau: Sẹo sau – trên khủy tay phải kích thước (5 x 0,2)cm; Sẹo dưới cằm trái kích thước (01 x 0,2) cm; Vết thương thấu bụng đã phẫu thuật thăm dò khâu phục hồi cân cơ vết thương thành bụng: Sẹo mạn sườn trái kích thước (3,5 x 0,2)cm, sẹo ống dẫn lưu mạn sườn phải kích thước (01x 0,5)cm,

dẹo đường trắng giữa – trên – dưới rốn kích thước (15 x 0,3)cm. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của K tại thời điểm giám định là 14%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Tại bản Kết luận giám định số 1449/KL-KTHS ngày 14/8/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ kết luận: 01 con dao (dạng dao Thái Lan) có cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu trắng và 01 gậy ba khúc có lớp cao su màu đen bọc bên ngoài, 02 đầu được bọc bằng kim loại, chiều dài khi gấp lại 24cm, đường kính 03cm, chiều dài khi duỗi tối đa 63cm không thuộc danh mục vũ khí ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ C3.

Ngày 29/5/2025 và ngày 15/10/2025, Lê Đình T và Cáp Nguyễn Xuân P1 bị khởi tố bị can để điều tra về Tội cố ý gây thương tích và Tội gây rối trật tự công cộng.

Ngày 15/10/2025, Đỗ Huỳnh Anh K, Nguyễn Công S2 và Nguyễn Công D bị khởi tố bị can để điều tra về Tội gây rối trật tự công cộng.

Ngoài ra, khoảng 16 giờ 00 phút ngày 26/7/2025, tại khu vực cầu Đ thuộc khu phố L, phường P, tỉnh Đồng Nai, K mua của nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) 02 túi ny lon ma tuý với giá là 700.000 đồng bỏ vào hai túi quần mà K đang mặc. Sau đó, Phạm Quốc T3 đến chở K đi chơi đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, K và T3 ghé qua chỗ ở của Vi Văn N4 thuộc khu phố L, phường P chơi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an phường P kiểm tra phát hiện: tại túi quần trước bên phải của K có 01 túi ny lon màu trắng kích thước (4x7)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, tại túi quần trước bên trái của K có 01 túi ny lon màu trắng kích thước (2,5x2,5)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, K khai nhận bên trong 02 túi ny lon là ma tuý vừa mua để sử dụng nên Công an phường P đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời tiến hành niêm phong 02 túi ny lon nêu trên rồi đưa T3, N4, K về Công an phường P để làm việc.

Tại bản kết luận giám định số 1322/KL-KTHS ngày 31/7/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Tinh thể màu trắng ký hiệu M1 bên trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,8948g.

+ Chất bột màu trắng ký hiệu M2 bên trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng là 0,0426g.

Ngày 05/8/2025, Đỗ Huỳnh Anh K bị khởi tố bị can để điều tra về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSKV11 ngày 09/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai đã truy tố Lê Đình T và Cáp Nguyễn Xuân P1 về Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 và Tội gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Công D và Nguyễn Công S2 về Tội gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; Đỗ Huỳnh Anh K về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 249 và Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T, bị cáo P1 về Tội cố ý gây thương tích và Tội gây rối trật tự công cộng; truy tố bị cáo D và S2 về Tội gây rối trật tự công cộng và truy tố bị cáo K về Tội gây rối trật tự công cộng và T4 tàng trữ trái phép chất ma túy.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; không có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu, nhận thức còn hạn chế. Ngoài ra, bị cáo T và bị cáo P1 còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã bồi thường thiệt hại cho bị hại đối với T4 cố ý gây thương tích. Và bị cáo K còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có ông, bà là người có công với cánh mạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điều 17, 32, 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo T và P1 phạm Tội cố ý gây thương tích và xử phạt bị cáo T từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, bị cáo P1 từ 15 tháng từ đến 18 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điều 17, 32, 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo T và P1 phạm Tội gây rối trật tự công cộng và xử phạt bị cáo T từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, bị cáo P1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điều 17, 32, 38, 58, 65; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo S2 và D phạm Tội gây rối trật tự công cộng và xử phạt bị cáo S2 từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Danh từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điều 17, 32, 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo K phạm Tội gây rối trật tự công cộng và xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; các 32, 38, 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo K phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước do Đào Ngọc Đ là chủ sở hữu. Đây là tài sản cá nhân của Đào Ngọc Đ. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại nêu trên không liên quan đến vụ án nên trả lại điện thoại trên cho Đ là phù hợp, đúng quy định.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 ProMax, màn hình cảm ứng, lưng điện thoại có màu ghi bạc, viền được bọc bằng kim loại màu trắng, máy đã cũ có nhiều vết trầy trước của Nguyễn Công D là chủ sở hữu. Quá trình điều tra xác định điện thoại nêu trên không liên quan đến vụ án nên trả lại điện thoại trên cho D là phù hợp, đúng quy định.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone XS, có ốp lưng màu trắng đục, viền màu đỏ, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước của Nguyễn Công S2 là chủ sở hữu. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại nêu trên không liên quan đến vụ án nên trả lại điện thoại trên cho S2 là phù hợp, đúng quy định.

Đối với 01 điện thoại dị động hiệu SamSung, màu đen, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước do Lê Đình T là chủ sở hữu. Quá trình điều tra xác định vào ngày 31/3/2025, T sử dụng điện thoại nêu trên để liên lạc và hẹn K đến Trung tâm thương mại nhằm mục đích gây thương tích cho K nên đây là vật chứng của vụ án đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô, biển số 66C1-382.61 màu xám, đen, SM: E3S1E-083468, SK: RLCUE1340HY048211. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là của bà Võ Hoàng Xuân P đã bán cho ông Nguyễn Chí C1 với giá 3.000.000đ (ba triệu động). Khi bán hai bên không làm giấy tờ gì chỉ lấy tiền sau đó bà P đưa giấy đăng ký xe cho ông C1. Ngày 31/3/2025, Nguyễn Công S2 là con trai ông Công mượn chiếc xe nêu trên nhằm mục đích đi uống cà phê. Việc S2 tự ý sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện để cùng đồng phạm gây rối trật tự công cộng tại Trung tâm thương mại P2 thì ông C1 không biết nên trả lại xe trên cho ông C1 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô biển số 93C1-306.54 hiệu Honda, màu trắng đen; SM: KB11E-1249743; SK: MH1KB1117LK250239. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên do Nguyễn Công D là chủ sở hữu, D sử dụng làm phương tiện chở S2 đến Trung tâm thương mại nhằm mục đích đánh nhau nên đây là vật chứng của vụ án đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô biển số 93K1-300.56 hiệu Honda, màu đen nhám; SM: JC90E0314164; SK: RLHJC7655NY326652 do Lê Đình T là chủ sở hữu, T sử dụng làm phương tiện chở P1 đến Trung tâm thương mại nhằm mục đích đánh nhau nên đây là vật chứng của vụ án đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 dao thái lan, dài 22 cm, có cán bằng nhựa màu vàng dài 10 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 12 cm. Quá trình điều tra xác định đây là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 gậy ba khúc, có lớp cao su màu đen bọc bên ngoài, 02 đầu được bọc bằng kim loại, chiều dài khi gấp lại 24 cm, đường kính 03 cm, chiều dài khi duỗi ra tối đa 63 cm. Quá trình điều tra xác định đây là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 nón bảo hiểm mà Đào Ngọc Đ và bị can Nguyễn Công S2 sử dụng làm công cụ để đánh P1 vào tối ngày 31/03/2025, do không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 túi ny lon màu trắng kích thước 04 x 07cm bên trong có 0,8948g ma túy, loại Methamphetamine. H lại sau giám định là 0,7502 gam được niêm phong. Xét thấy đây là vật chứng của vụ án đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Huỳnh Anh K đã nhận bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

- Các bị cáo tự bào chữa:

Bị cáo T, P1, D và S2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, về mức hình phạt đối với T4 tàng trữ trái phép chất ma túy mà Viện kiểm sát đề nghị từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù là nặng.

- Người bào chữa cho bị cáo P1: Thống nhất quan điểm với Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tội danh cũng như mức hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo P1 mức án thấp nhất có thể để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội, có cơ hội sữa chữa sai lầm của tuổi trẻ.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo P1: Thống nhất với ý kiến của bị cáo P1 và người bào chữa cho bị cáo P1.

- Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo K đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy đã là mức hình phạt thấp nhất có thể theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự khi đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

- Bị cáo K không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C1: Không có ý kiến tranh luận gì. Mong Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho hai con là bị cáo D và S2 được sửa sai lỗi lầm và làm lại cuộc đời.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức rõ về hành vi vi phạm và rất hối hận về hành vi đã thực hiện, mong Hội đồng xét xử xem xét xử mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với biên bản kiểm tra hiện trường, kết luận giám định, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn trước đó nên các bị cáo T, P1 và K đã hẹn gặp mặt tại Trung tâm thương mại P2 để giải quyết mâu thuẫn, khi đi K rủ thêm D, S2 và Đ đi cùng và được cả ba đồng ý. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 31/3/2025, tất cả có mặt tại Trung tâm thương mại P2 thuộc khu phố T, phường P, tỉnh Đồng Nai, khi T và K đang nói chuyện thì T đã dùng gậy ba khúc đánh một cái vào lưng K, P1 đã dùng con dao Thái Lan đâm 01 nhát vào khủy tay phải và 01 nhát vào phần bụng bên trái của K, và trong lúc giằng co, con dao P1 đang cầm trên tay sượt trúng một cái vào phần dưới cằm của K, gây tổn thương cơ thể của K tại thời điểm giám định tổng cộng là 14%. Khi thấy P1 dùng dao đâm K, bị cáo S2 đã dùng nón bảo hiểm ném về phía P1, bị cáo Đ dùng nón bảo hiểm đánh 01 cái vào lưng và 01 cái vào đầu P1 nhưng không gây thương tích cho P1. D ngồi trên xe mô tô quan sát và chở K đi cấp cứu.

Hành vi tụ tập tại Trung tâm thương mại P2 là khu vực chợ, nơi tập trung đông người để đánh nhau của các bị cáo T, P1, K, S2, D và Đ đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội gây rối trật tự công cộng quy định tại Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Hành vi dùng dao, gậy nhằm gây tổn thương cơ thể của K tại thời điểm giám định tổng cộng là 14% của bị cáo T và bị cáo P1 đã xâm phạm đến quyền được tôn trọng, bảo vệ sức khỏe và bất khả xâm phạm về thân thể của con người được pháp luật quy định. Do đó, hành vi của bị cáo T và P1 đủ yếu tố cấu thành Tội cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T và P1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống giữa bạn bè với nhau, các bị cáo đã dùng dao và gậy ba khúc là hung khí nguy hiểm gây tổn thương cơ thể của K, thể hiện sự hung hãn, coi thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều

134 của Bộ luật hình sự với 02 tình tiết định khung hình phạt là dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự và Tội gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo K, D và S2 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi tụ tập tại nơi công cộng để đánh nhau là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tuy trước khi đến chỗ hẹn các bị cáo không chuẩn bị dụng cụ, phương tiện nhưng có sự đồng thuận về mặt ý chí "khi bị đánh sẽ đánh lại" nên hành vi S2 dùng nón bảo hiểm ném về phía P1 và hành vi Đ dùng nón bảo hiểm đánh vào người P1 trong lúc hai nhóm đang đánh nhau đã được K và D đồng thuận. Do đó, Viện kiểm sát truy tố K, D và S2 về Tội gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại thời điểm thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng, Đào Ngọc Đ mới 15 tuổi 09 tháng 05 ngày nên Đ chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự. Cơ quan CSĐT điều tra Công an tỉnh Đ không khởi tố bị can và đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 132/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2025 về hành vi gây mất trật tự nơi công cộng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 đối với Đào Ngọc Đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, xét lời khai của bị cáo K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và kết luận giám định trong quá trình điều tra, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/7/2025, bị cáo K đã có hành vi cất giữ trái phép 0,8948g gam ma túy loại Methamphetamine và 0,0426g ma túy loại Katemine trên người nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo K có hành vi tàng trữ trái phép 02 chất ma tuý trở lên mà tổng khối lượng tương đương với khối lượng các chất ma tuý quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; không có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo T và bị cáo P1 còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại đối với T4 cố ý gây thương tích được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Và bị cáo K còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có ông, bà là người có công với cánh mạng được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo T, P1 đều có vai trò là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên xét đến tính chất và hậu quả thực tế gây ra từ hành vi phạm tội thì tổn hại về sức khỏe của bị hại K đều là các thương tích do bị cáo P1 gây ra nên khi quyết định hình phạt thì mức phạt đối với bị cáo P1 sẽ

cao hơn bị cáo T nhằm phân hóa hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm khi thực hiện hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội có tính chất côn đồ, gây ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an tại địa phương nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội là cần thiết. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P1 dưới 18 tuổi (16 tuổi 05 tháng 07 ngày) nên mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với P1 không quá ba phần năm mức hình phạt tù mà điều luật của Bộ luật hình sự quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Bị cáo K có vai trò là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo D và S2 là người đã trưởng thành, nhận thức rõ hành vi tụ tập tại nơi công cộng để đánh nhau là vi phạm pháp luật nhưng đã nghe lời rủ rê của bị cáo Kiên cố Ý thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét đến tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo D và S2 cũng như tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, có việc làm ổn định, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân địa phương nơi bị cáo cư trú theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo K không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước. Đây là tài sản cá nhân của Đào Ngọc Đ và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

01 điện thoại di động Iphone 13 ProMax, màn hình cảm ứng, lưng điện thoại có màu ghi bạc, viền được bọc bằng kim loại màu trắng, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo D và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

01 điện thoại di động Iphone XS, có ốp lưng màu trắng đục, viền màu đỏ, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo S2 và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

01 xe mô tô Jupiter màu xám đen, biển kiểm soát 66C1 – 382.61, SM: E3S1E-083468, SK: RLCUE1340HY048211 do bà Võ Hoàng Xuân P đứng tên đăng ký quyền sở hữu. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh chủ sở hữu, làm rõ các giao dịch mua bán trước đó và xác định trước thời điểm bị cáo S2 lấy đi thì chủ sở hữu là ông Nguyễn Chí C1. Ông C1 không biết bị cáo S2 dùng xe mô tô trên làm phương tiện để cùng đồng phạm gây rối trật tự công cộng tại Trung tâm thương mại P2 nên Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại xe trên cho ông C1 là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

01 điện thoại dị động hiệu SamSung, màu đen, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo T và T đã sử dụng làm phương tiện liên lạc với K nên đây là vật chứng của vụ án, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

01 xe mô tô hiệu Honda màu đen nhám, biển kiểm soát 93K1 – 300.56, SM: JC90E0314164, SK: RLHJC7655NY326652 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số

005060 mang tên Lê Đình T. Trong quá trình điều tra xác định T đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện đến nơi diễn ra tội phạm nên đây là vật chứng của vụ án, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

01 xe mô tô Sonic màu trắng đen, biển kiểm soát 93C1 – 306.54, SM: KB11E-1249743, SK: MH1KB1117LK250239 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 006682 mang tên của Nguyễn Công D. Trong quá trình điều tra xác định D đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện đến nơi diễn ra tội phạm nên đây là vật chứng của vụ án, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

01 dao thái lan, dài 22 cm, có cán bằng nhựa màu vàng dài 10 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 12 cm. Quá trình điều tra xác định đây là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 gậy ba khúc, có lớp cao su màu đen bọc bên ngoài, 02 đầu được bọc bằng kim loại, chiều dài khi gấp lại 24 cm, đường kính 03 cm, chiều dài khi duỗi ra tối đa 63 cm. Quá trình điều tra xác định đây là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 túi ny lon màu trắng kích thước 04 x 07cm bên trong có 0,8948g ma túy loại Methamphetamine, hoàn lại sau giám định là 0,7502 gam được niêm phong. Đây là chất cấm nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo K, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với T3 và N4, không có căn cứ xác định T3, N4 đồng phạm với K về hành vi mua và cất giữ số ma túy bị thu giữ nên không có căn cứ xử lý.

[9] Quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Đình T (T què) phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T (T què) 02 (hai) năm tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Đình T (T què) phạm Tội cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T (T què) 02 (hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt theo Điều 55 Bộ luật hình sự, hình phạt chung bị cáo Lê Đình T (T què) phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2025.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Tuyên bố bị cáo Cáp Nguyễn Xuân P1 phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Cáp Nguyễn Xuân P1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Tuyên bố bị cáo Cáp Nguyễn Xuân P1 phạm Tội cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Cáp Nguyễn Xuân P1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt theo Điều 55 Bộ luật hình sự, hình phạt chung bị cáo C2 Nguyễn Xuân P1 phải chấp hành là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2025.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đỗ Huỳnh Anh K phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Đỗ Huỳnh Anh K 02 (hai) năm tù.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đỗ Huỳnh Anh K phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Đỗ Huỳnh Anh K 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt theo Điều 55 Bộ luật hình sự, hình phạt chung bị cáo Đỗ Huỳnh Anh K phải chấp hành là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2025.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công S2 phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công S2 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án 25/3/2026.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của .

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công D phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án 25/3/2026.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của .

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

6. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại dị động hiệu SamSung, màu đen, máy đã cũ có nhiều vết trầy xước; 01 xe mô tô hiệu Honda màu đen nhám, biển kiểm soát 93K1 – 300.56; SM: JC90E0314164; SK: RLHJC7655NY326652 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 005060 mang tên Lê Đình T; 01 xe mô tô Sonic màu trắng đen, biển kiểm soát 93C1 – 306.54; SM: KB11E-1249743; SK: MH1KB1117LK250239 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 006682 mang tên của Nguyễn Công D.

Tịch thu tiêu hủy 01 dao thái lan, dài 22 cm, có cán bằng nhựa màu vàng dài 10 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 12 cm; 01 gậy ba khúc, có lớp cao su màu đen bọc bên ngoài, 02 đầu được bọc bằng kim loại, chiều dài khi gấp lại 24 cm, đường kính 03 cm, chiều dài khi duỗi ra tối đa 63cm; 01 túi ny lon màu trắng kích thước 04 x 07cm bên trong có 0,8948g ma túy loại Methamphetamine, hoàn lại sau giám định là 0,7502 gam được niêm phong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2026).

7. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo P1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chí C1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/3/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Hoàng Xuân P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 11 – Đồng Nai;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân